

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ ngành Xây dựng trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực xây dựng trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực phát triển đô thị thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3498/TTr-SXD ngày 17 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ ngành Xây dựng trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, pmtrang

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
NGÀNH XÂY DỰNG TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG ÁP
DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết	Nội dung rà soát	Nội dung đề xuất đơn giản hoá
I	Lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa			
1	Quyết định tần suất khảo sát luồng đường thủy nội địa địa phương	UBND cấp tỉnh	Số lượng hồ sơ: không quy định	Số lượng hồ sơ: 01 bộ
II	Lĩnh vực Nhà ở			
1	Trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi công năng đối với nhà ở quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều 57 của Nghị định số 95/2024/NĐ-CP	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 30 ngày	Thời gian giải quyết: 28 ngày
2	Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý	HĐND cấp tỉnh hoặc UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 10 ngày	Thời gian giải quyết: 08 ngày
3	Quyết định đầu tư và quyết định chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 15 ngày	Thời gian giải quyết: 13 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết	Nội dung rà soát	Nội dung đề xuất đơn giản hoá
4	Đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý	HĐND cấp tỉnh hoặc UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 15 ngày	Thời gian giải quyết: 13 ngày
5	Quyết định đầu tư dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 30 ngày	Thời gian giải quyết: 28 ngày
6	Thuê nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý	UBND cấp tỉnh	Số lượng hồ sơ: không quy định	Số lượng hồ sơ: 01 bộ
7	Đặt hàng mua nhà ở thương mại để làm nhà ở phục vụ tái định cư	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 45 ngày	Thời gian giải quyết: 43 ngày
8	Mua nhà ở thương mại để làm nhà ở phục vụ tái định cư	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 45 ngày	Thời gian giải quyết: 43 ngày
9	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 45 ngày	Thời gian giải quyết: 43 ngày
10	Chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đối với trường hợp có 01 nhà đầu tư quan tâm đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 15 ngày	Thời gian giải quyết: 13 ngày
11	Thu hồi nhà ở thuộc tài sản công	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 60 ngày	Thời gian giải quyết: 58 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết	Nội dung rà soát	Nội dung đề xuất đơn giản hoá
12	Cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc tài sản công	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 20 ngày	Thời gian giải quyết: 18 ngày
13	Xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh (6.001430)	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 15 ngày	Thời gian giải quyết: 13 ngày
14	Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh (6.001432)	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 15 ngày	Thời gian giải quyết: 13 ngày
15	Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh (6.001434)	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 15 ngày	Thời gian giải quyết: 13 ngày
16	Điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh (6.003655)	UBND cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 15 ngày	Thời gian giải quyết: 13 ngày
17	Lập, phê duyệt Đề án bán nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân thuộc tài sản công đang cho thuê	Đại diện chủ sở hữu nhà ở	Thời gian giải quyết: 35 ngày	Thời gian giải quyết: 33 ngày
18	Chuyển đổi công năng nhà ở thuộc tài sản công	Đại diện chủ sở hữu nhà ở	Thời gian giải quyết: 30 ngày	Thời gian giải quyết: 28 ngày
III	Lĩnh vực tổ chức cán bộ			
1	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải	- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Xây dựng - UBND tỉnh	Số lượng hồ sơ: không quy định	Số lượng hồ sơ: 01 bộ
IV	Lĩnh vực Phát triển đô thị			

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan giải quyết	Nội dung rà soát	Nội dung đề xuất đơn giản hoá
1	Phê duyệt chương trình phát triển đô thị	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc	Thời gian giải quyết: 28 ngày làm việc
2	Phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp được phân cấp)	Thời gian giải quyết: 42 ngày làm việc	Thời gian giải quyết: 40 ngày làm việc
3	Công nhận đô thị loại II, loại III	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 69 ngày làm việc	Thời gian giải quyết: 67 ngày làm việc
4	Công nhận trình độ phát triển đô thị	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thời gian giải quyết: 73 ngày làm việc	Thời gian giải quyết: 71 ngày làm việc

PHẦN II. PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

1. Thủ tục: Quyết định tần suất khảo sát luồng đường thủy nội địa địa phương

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm số lượng hồ sơ từ không quy định cụ thể là 01 bộ.
- **Lý do:** Giúp cho tổ chức, cá nhân xác định được số lượng hồ sơ cần chuẩn bị để nộp hạn chế tình trạng đi lại bổ sung hồ sơ, giảm chi phí đi lại.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 200.000 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 100.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 100.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

II. LĨNH VỰC NHÀ Ở

1. Thủ tục: Trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi công năng đối với nhà ở quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều 57 của Nghị định số 95/2024/NĐ-CP

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 28 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản cho phép chuyển đổi của Thủ tướng Chính phủ.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống 28 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 2.710.428 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 2.529.733 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%

2. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống còn 08 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc giao Ủy ban nhân dân cùng cấp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 903.476 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 722.781 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

3. Thủ tục: Quyết định đầu tư và quyết định chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý

3.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 1.355.214 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 1.174.519 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%

4. Thủ tục: Đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý

4.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 1.355.214 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 1.174.519 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%

5. Thủ tục: Quyết định đầu tư dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý

5.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 28 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 28 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 2.710.428 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 2.529.733 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%

6. Thủ tục: Thuê nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ thuộc địa phương quản lý

6.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm số lượng hồ sơ từ không quy định cụ thể là 01 bộ.

- **Lý do:** Giúp cho tổ chức, cá nhân xác định được số lượng hồ sơ cần chuẩn bị để nộp hạn chế tình trạng đi lại bổ sung hồ sơ, giảm chi phí đi lại.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 200.000 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 100.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 100.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

7. Thủ tục: Đặt hàng mua nhà ở thương mại để làm nhà ở phục vụ tái định cư

7.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 43 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 43 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 4.065.642 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 3.884.947 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,44%

8. Thủ tục: Mua nhà ở thương mại để làm nhà ở phục vụ tái định cư

8.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 43 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 43 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 4.065.642 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 3.884.947 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,44%

9. Thủ tục: Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

9.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 43 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 45 ngày xuống còn 43 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 4.065.642 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 3.884.947 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,44%

10. Thủ tục: Chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đối với trường hợp có 01 nhà đầu tư quan tâm đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ

10.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 1.355.214 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 1.174.519 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%

11. Thủ tục: Thu hồi nhà ở thuộc tài sản công

11.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 60 ngày xuống còn 58 ngày (Đối với việc thu hồi nhà ở không phải là căn hộ chung cư), kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở phát hiện nhà ở thuộc trường hợp bị thu hồi.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 60 ngày xuống còn 58 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 5.420.856 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 5.240.161 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%

12. Thủ tục: Cường chế thu hồi nhà ở thuộc tài sản công

12.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày, kể từ ngày hết hạn bàn giao nhà ở theo quyết định thu hồi nhà ở.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 1.806.952 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 1.626.257 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%

13. Thủ tục: Xây dựng chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh (6.001430)

13.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua Chương trình phát triển nhà ở.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 1.355.214 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 1.174.519 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%

14. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh (6.001432)

14.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 1.355.214 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 1.174.519 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%

15. Thủ tục: Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh (6.001434)

15.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

15.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 1.355.214 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 1.174.519 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%

16. Thủ tục: Điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh (6.003655)

16.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

16.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 1.355.214 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 1.174.519 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33%

17. Thủ tục: Lập, phê duyệt Đề án bán nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân thuộc tài sản công đang cho thuê

17.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 35 ngày xuống còn 33 ngày, kể từ ngày hồ sơ Đề án đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về nhà ở.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 35 ngày xuống còn 33 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

17.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 3.162.166 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 2.981.471 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5.71%

18. Thủ tục: Chuyển đổi công năng nhà ở thuộc tài sản công

18.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 28 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 28 ngày nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

18.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 2.710.428 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 2.529.733 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%

III. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ

1. Thủ tục: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm số lượng hồ sơ từ không quy định cụ thể là 02 bộ.

- **Lý do:** Giúp cho viên chức chuyên ngành giao thông vận tải làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hành chính được áp dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác định được số lượng hồ sơ cần chuẩn bị để nộp hạn chế tình trạng đi lại bổ sung hồ sơ, giảm chi phí đi lại.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 200.000 đồng/năm
- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 100.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 100.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Thủ tục: Phê duyệt chương trình phát triển đô thị

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 28 ngày làm việc (không tính thời gian xây dựng dự thảo chương trình phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân cấp tỉnh họp thông qua chương trình phát triển đô thị).

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc xuống còn 28 ngày làm việc nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 2.710.428 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 2.529.733 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%

2. Thủ tục: Phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 42 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc, (không tính thời gian xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân cấp xã họp thông qua kế hoạch phát triển đô thị).

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 42 ngày làm việc xuống còn 40 ngày làm việc nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 3.794.599 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 3.613.904 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,76%

3. Thủ tục: Công nhận đô thị loại II, loại III

3.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 69 ngày làm việc xuống còn 67 ngày làm việc (không tính thời gian lập đề án, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân cấp tỉnh họp thông qua đề án).

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 69 ngày làm việc xuống còn 67 ngày làm việc nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 6.233.984 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 6.053.289 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2.90%

4. Thủ tục: Công nhận đô thị loại II, loại III

4.1. Nội dung đơn giản hoá

- Sửa đổi: Giảm thời gian giải quyết từ 73 ngày làm việc xuống còn 71 ngày làm việc (không tính thời gian lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và thời gian Hội đồng nhân dân cấp xã họp thông qua báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị).

- **Lý do:** Việc cắt giảm thời gian giải quyết từ 73 ngày làm việc xuống còn 71 ngày làm việc nhằm rút ngắn quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; qua đó giảm chi phí thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Lộ trình thực hiện: Áp dụng ngay sau khi quyết định này được phê duyệt.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC NB trước khi đơn giản hoá: 6.595.374 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC NB sau khi đơn giản hoá: 6.414.679 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 180.695 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2.74%